

NGHIÊN CỨU VÀ HỌC TẬP

VẤN ĐỀ GIẢI PHÓNG PHỤ NỮ Ở VIỆT NAM NỬA
ĐẦU THẾ KỶ XX TRONG TƯ TƯỞNG CỦA PHAN BỘI
CHÂU VÀ NGUYỄN ÁI QUỐC^(*)

Vũ Thị Thảo^(**)

^(**) Thạc sĩ, Viện Triết học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Email: vuthithaonv@gmail.com

Tóm tắt: Phan Bội Châu (1867-1940) và Nguyễn Ái Quốc (1890-1969) là hai nhà trí thức yêu nước, hai nhà cách mạng tiêu biểu của Việt Nam. Trong bối cảnh xã hội chịu ách đô hộ của thực dân Pháp và sự ràng buộc nặng nề của ý thức hệ phong kiến giai đoạn nửa đầu thế kỷ XX, cả hai nhà tư tưởng đều nhận thức được vai trò quan trọng của phụ nữ và sự cần thiết phải giải phóng phụ nữ trong mối quan hệ chặt chẽ với con đường giải phóng dân tộc. Tuy nhiên, xuất phát từ cách tiếp cận, mục tiêu khác nhau, phương thức giải phóng phụ nữ của Phan Bội Châu và Nguyễn Ái Quốc có những điểm tương đồng và khác biệt. Bài viết tập trung làm rõ những khác biệt này, qua đó, khẳng định bước phát triển trong quan điểm giải phóng phụ nữ của Nguyễn Ái Quốc so với các bậc tiền bối, đặt nền móng tư tưởng cho cuộc đấu tranh về bình đẳng giới sau này.

Từ khóa: Giải phóng phụ nữ, Việt Nam, nửa đầu thế kỷ XX, Phan Bội Châu, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh.

Ngày nhận bài: 12/07/2025; ngày phản biện: 13/07/2025; ngày sửa chữa: 05/08/2025; ngày duyệt đăng: 10/08/2025.

1. Mở đầu

Nửa đầu thế kỷ XX là giai đoạn lịch sử đặc biệt của Việt Nam, đánh dấu bởi những biến động lớn về chính trị, xã hội và văn hóa dưới sự tác động đồng thời của thiết chế thực dân và tàn dư phong kiến kéo dài. Trong bối cảnh đó, người phụ nữ Việt Nam, vốn đã bị trói buộc bởi những quy phạm khắt khe của tư tưởng Nho giáo lại tiếp tục trở thành nạn nhân

bị áp bức từ chế độ thuộc địa. Do vậy, vấn đề giải phóng phụ nữ nổi lên như một yêu cầu cấp bách, gắn liền với mục tiêu giải phóng dân tộc và tiến bộ xã hội, trở thành một nội dung quan trọng trong tư tưởng của các nhà cách mạng Việt

^(*) Bài viết là sản phẩm thuộc Nhiệm vụ Khoa học cấp cơ sở năm 2025: “*Tư tưởng Hồ Chí Minh về phụ nữ*” do ThS. Vũ Thị Thảo làm chủ nhiệm nhiệm vụ.

Nam đương thời. Trong dòng chảy đó, Phan Bội Châu và Nguyễn Ái Quốc là hai nhân vật tiêu biểu, đại diện cho hai lập trường khác nhau, một bên gắn với tư tưởng dân chủ tư sản phương Tây, một bên vận động theo khuynh hướng cách mạng vô sản và chủ nghĩa Mác - Lênin. Cả hai đều có những nhận thức tiến bộ về số phận và vai trò của phụ nữ, song mục tiêu cũng như phương thức giải phóng phụ nữ do họ đề xuất lại mang những đặc điểm riêng. Việc phân tích và đối chiếu nội dung quan điểm của hai nhà tư tưởng này không chỉ góp phần làm rõ đặc điểm của từng lập trường, mà còn giúp làm sáng tỏ tiến trình phát triển nhận thức về phụ nữ trong lịch sử tư tưởng Việt Nam.

2. Vấn đề giải phóng phụ nữ ở Việt Nam nửa đầu thế kỷ XX trong tư tưởng của Phan Bội Châu

2.1. Mục tiêu giải phóng phụ nữ trong tư tưởng của Phan Bội Châu

Những biến động mang tính bước ngoặt về chính trị, kinh tế - xã hội và văn hóa ở Việt Nam nửa đầu thế kỷ XX, cùng với sự du nhập của làn sóng tư tưởng phương Tây với các giá trị tự do, dân chủ, bình đẳng, đã tác động mạnh mẽ đến tầng lớp trí thức Nho học đương thời. Theo nhận định của báo *Thần Chung* (25/1/1929), những tập sách chứa đựng tri thức mới từ Trung Quốc đã “làm thay đổi lòng người như chớp”, đến mức “một tập sách nói chuyện nước Tàu mà làm cho hai mươi mấy triệu dân Annam phấn khởi”, đánh thức đám sĩ phu ta, gần như trực tiếp, chẳng khác nào “thang thuốc hay đối với người mang bệnh trầm kha” (Dẫn theo: Thần Chung 1929). Bên cạnh đó, những quan niệm về tự do cá nhân, bình đẳng nam nữ, nữ quyền và

giải phóng phụ nữ... vốn hết sức xa lạ đối với xã hội Nho giáo phương Đông cũng đã được các trí thức Việt Nam biết đến, tạo nên những tranh luận có tính học thuật trên báo chí, xuất bản phẩm ở Việt Nam đầu thế kỷ XX.

Tiêu biểu cho thế hệ trí thức Nho học cấp tiến, Phan Bội Châu được xem là một trong số ít trí thức đầu tiên ở Việt Nam bàn về vấn đề giải phóng phụ nữ. Ông chịu ảnh hưởng lớn từ tư tưởng của Lương Khải Siêu (1873 - 1929), một trí thức điển hình của phong trào Duy Tân ở Trung Quốc giai đoạn cận đại. Mặc dù, Lương Khải Siêu không có tác phẩm chuyên biệt về phụ nữ, song, trong tư tưởng chính trị - xã hội của ông vẫn thể hiện những quan niệm tiến bộ về phụ nữ, đặc biệt là việc mở rộng cơ hội giáo dục đối với nữ giới¹. Tuy nhiên, quan điểm này vẫn giới

1 Lương Khải Siêu (1873-1929) cho rằng, hủ tục bó chân là xâm phạm đến thân thể của người phụ nữ, đi ngược lại thuyết tiến hóa. Nó không chỉ gây hại cho thể chất phụ nữ mà còn làm suy yếu nội lực của dân tộc. Theo ông, nguyên nhân sâu xa của hủ tục này xuất phát từ trình độ dân trí thấp, đặc biệt là nữ giới. Từ đó, ông đề xướng việc xây dựng trường học và truyền bá tri thức, học vấn cho phụ nữ. Lương Khải Siêu phê phán quan niệm truyền thống cho rằng người phụ nữ không cần có tài năng, trí tuệ. Trong bài viết *Đề xướng việc xây dựng trường học dành cho nữ giới*, ông đã đưa ra chủ nghĩa “Tân hiền thể lương mẫu” (Vợ đảm hiền kiểu mới), khẳng định nữ tài cũng là một trong nữ đức. Ông khẳng định việc phụ nữ được tiếp nhận giáo dục hoàn toàn không có hại, hơn thế, còn giúp họ “trên có thể giúp chồng, dưới có thể giáo dục con, gần có thể bàn chuyện trong nhà, xa có thể cái tạo giống nòi”. Trên cơ sở bài viết này, các nhân sĩ Duy Tân đương thời đã thảo luận sôi nổi trên diễn đàn báo chí với nhiều bài viết đề cập đến nghĩa vụ và quyền lợi của phụ nữ đăng trên các báo *Nữ học báo*, *Thời vụ báo* chủ trương phụ nữ không chỉ có trách nhiệm làm người vợ hiền trợ giúp việc nhà cho nam giới, mà còn phải là người có tài năng và tri thức để thực hiện vai trò giáo dục con cái, đó cũng chính là một cách giúp nòi giống Trung Hoa trở nên tốt đẹp hơn (xem: Trần Trúc Ly 2024: 42-43).

hạn phạm vi hoạt động của phụ nữ trong khuôn khổ gia đình, và chưa đưa ra được giải pháp mang tính cách mạng nhằm xóa bỏ địa vị phụ thuộc của phụ nữ truyền thống, nhưng những giá trị mới mẻ mà nó mang lại đã làm thay đổi nhận thức của một trí thức Nho học yêu nước như Phan Bội Châu. Tiếp thu tinh thần tân thư, tân văn và ảnh hưởng của các phong trào cải cách ở các nước trong khu vực Á Đông, đặc biệt là Nhật Bản và Trung Quốc, Phan Bội Châu đã đặt vấn đề giải phóng phụ nữ từ góc độ quyền con người và gắn liền với mục tiêu giải phóng dân tộc.

Trong các tác phẩm được viết sau năm 1925, thời kỳ bị an trí tại Huế, Phan Bội Châu có điều kiện suy ngẫm sâu sắc hơn về vận mệnh dân tộc, đặc biệt về vị thế của người phụ nữ Việt Nam dưới chế độ thực dân phong kiến. Bằng tư duy đổi mới, ông phân tích tính chất gia trưởng của tư tưởng Nho giáo như một nguyên nhân trực tiếp tạo nên địa vị “tòng thuộc” của người phụ nữ. Theo ông, người phụ nữ Việt Nam khi đó là hiện thân điển hình của sự áp chế kép, họ vừa là nạn nhân của tư tưởng Nho giáo lạc hậu, vừa là đối tượng bị bóc lột tàn bạo bởi chế độ thực dân đương thời. Ông chỉ rõ rằng, trong nền quân chủ chuyên chế, Nho giáo là công cụ tư tưởng được giai cấp cầm quyền sử dụng để hợp pháp hóa địa vị lệ thuộc của phụ nữ. Vì vậy, Phan Bội Châu kịch liệt phê phán “tam tòng” và “quyền cương”, cho rằng: “Bây giờ theo như nghĩa tam cương thời có được quyền người, thứ nhất là vua, thứ nhì là cha, thứ ba là chồng, còn ngoài nữa tất cả là vô quyền. Nhưng ở trong những món vô quyền đó, thời con trai còn được làm cha

làm chồng, mà đối với đàn bà con gái, họ được có quyền đặc biệt; quyền vua đã nặng, mà quyền trai cũng chẳng kém gì, vì đó mà tội tình nhất trong ở trong loài người, tức là đàn bà con gái” (Dẫn theo: Đoàn Ánh Dương 2019: 152). Từ đó, ông khẳng định, phụ nữ bị giam cầm cả đời trong vòng áp chế của cái gông “nữ nhân tam tòng” do Nho giáo đặt ra (xem: Đoàn Ánh Dương 2019: 152). Ông luận giải “tòng” là theo, phục tòng, tùy tòng. Khi ở nhà, người con gái phải “cấm đầu mà theo cha mẹ”; khi đã có chồng phải “co cổ mà theo chồng”; đến khi chồng mất, phải “bung tai gài mắt theo con”. Như thế, suốt một đời người từ khi lọt lòng cho đến khi qua đời, họ chỉ có một chữ “theo” (Dẫn theo: Đoàn Ánh Dương 2019: 152). Sự “theo” ở đây không đơn thuần là hành vi phục tòng, mà là một dạng tồn tại bị khước từ quyền tự chủ, bị coi như một công cụ phục tòng hoàn toàn, không khác gì “con trâu cày theo chủ ruộng” hay “con chó săn theo chủ nuôi” (Dẫn theo: Đoàn Ánh Dương 2019: 152). Theo Phan Bội Châu, sự lệ thuộc triệt để này của phụ nữ không phải là kết quả tự nhiên của luân lý, mà là sản phẩm có chủ đích nhằm duy trì quyền lực của tầng lớp thống trị. Ông bóc trần bản chất của thuyết tam tòng là do “bọn hủ nho, bọn cầm quyền đời xưa đặt ra nhằm cai trị thâu lãnh hết tính mạng, linh hồn của bầy tôi, họ còn muốn cho vợ con của mọi người dân phải chiều theo một số phận, liên lạc gần nhau để mà sai khiến” (Dẫn theo: Đoàn Ánh Dương 2019: 210).

Bên cạnh việc phê phán tư tưởng phong kiến, Phan Bội Châu còn lên

án gay gắt chính sách đàn áp của thực dân Pháp đối với quốc dân nói chung, đặc biệt đối với người phụ nữ, những người vốn đã phải chịu nhiều bất công nhất trong xã hội đương thời. Trong các tác phẩm chính luận của mình, ông tố cáo thực trạng người dân Việt Nam trở thành nô lệ, phương tiện phục vụ cho kẻ xâm lược bằng một khái quát đầy chua xót: “Từ khi Pháp “bảo hộ” nước ta đến nay, chúng chiếm giữ hết mọi quyền lợi và muốn làm sống, làm chết ai cũng được. Tính mạng muôn người dân An Nam thua một con chó Tây; uy linh trăm ông quan thua một mụ đầm” (Dẫn theo: Đoàn Ánh Dương 2019: 37). Ông cho rằng, với chính sách thuế khóa nặng nề, người dân nước ta “khô kiệt hết cả dầu mỡ huyết mạch để cung đốn cho các ông Tây bà đầm, cung đốn cho ngựa, cho chó của Tây mỗi năm biết mấy trăm ngàn, vạn, ức,... Thậm chí, ngay cả sinh mạng của mình là do trời đất sinh thành, cha mẹ nuôi dưỡng cũng phải đóng thuế cho giặc Pháp mỗi năm 4 hay 5 đồng bạc để chuộc thân” (Dẫn theo: Đoàn Ánh Dương 2019: 41).

Từ hiện thực người phụ nữ Việt Nam bị áp bức nặng nề, cùng với tác động mạnh mẽ của làn sóng tư tưởng cải cách và phong trào nữ quyền tại Trung Quốc và Nhật Bản đầu thế kỷ XX, Phan Bội Châu đã có sự chuyển biến sâu sắc trong nhận thức về vấn đề giải phóng phụ nữ. Trên cơ sở tiếp cận từ góc độ nhân quyền, ông từng bước vượt qua giới hạn của tư tưởng Nho giáo truyền thống về thân phận tòng thuộc của phụ nữ, tái xác lập vai trò và vị thế của người phụ nữ trong xã hội hiện đại, từ chỗ xem họ là “người nội trợ” trở thành

nguồn nhân lực tham gia vào sự nghiệp cứu nước. Phan Bội Châu nhấn mạnh phụ nữ là “mẹ của quốc dân”, là người sinh thành và dưỡng dục các thế hệ tương lai của đất nước. Theo ông, lực lượng phụ nữ góp phần quan trọng làm nên xã hội loài người, duy trì nòi giống và nuôi dưỡng tinh thần dân tộc, bởi họ là một nửa nhân loại và là một bộ phận quốc dân anh hùng không hề thua kém nam giới trong “gánh việc quốc gia, trả thù đánh giặc” (Phan Bội Châu 2000, tập 7: 114) với tinh thần “quả quyết ngang trời dọc đất” (Phan Bội Châu 2000, tập 3: 324). Từ đó, mục tiêu của Phan Bội Châu là giải phóng phụ nữ khỏi quan niệm truyền thống về địa vị phụ thuộc, thông qua giáo dục giúp họ nhận thức được quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong tương quan ngang bằng với nam giới, kêu gọi phụ nữ nâng cao tri thức, học tập những tấm gương các nữ anh hùng trong lịch sử dân tộc như Hai Bà Trưng, vượt khỏi giới hạn không gian gia đình để dấn thân vào các phong trào cách mạng. Theo ông, chỉ khi người phụ nữ thoát khỏi sự lệ thuộc, ý thức được quyền và nghĩa vụ của mình như một quốc dân, họ mới có thể cùng nam giới góp phần vào sự nghiệp giải phóng dân tộc.

2.2. Phương thức giải phóng phụ nữ trong tư tưởng của Phan Bội Châu

Từ việc so sánh học thuyết Đông - Tây, Phan Bội Châu cho rằng luân lý phương Đông chú trọng việc con người phải tuân thủ nghiêm ngặt các khuôn phép của lễ giáo và trật tự xã hội; trong khi luân lý phương Tây chú trọng về tự do, cho rằng tự do của con người là quyền được trời đất phú cho ngay từ khi sinh ra (Dẫn theo: Đoàn Ánh Dương

2019: 132). Theo ông, do những vết hư, tục cũ dưới chế độ quân chủ gần quá sâu, quyền chuyên chế ép quá nặng, khiến cho người phụ nữ không chỉ bị trói buộc trong gia đình, mà còn bị giày vò ở ngoài xã hội; thêm nữa, chí khí đấu tranh của phụ nữ đa phần còn yếu, không dám vùng lên phá bỏ xiềng khóa, cởi trói cho chính mình (Dẫn theo: Đoàn Ánh Dương 2019: 150). Do đó, để đáp ứng nhu cầu tự lập, tự cường của phụ nữ trong bối cảnh mới, Phan Bội Châu chỉ ra đường lối “nữ giới cách mạng” cần tập trung vào cải cách những tập quán xưa, phế trừ những lễ giáo cổ hủ và thực hành những tư tưởng tiến bộ (Dẫn theo: Đoàn Ánh Dương 2019: 163). Ông xác định mục tiêu giải phóng là khôi phục quyền con người cho phụ nữ, thông qua con đường đoàn kết tất cả mọi người dân, đồng lòng, đồng sức bẻ đôi cái gông “vô đạo”, chặt đứt cái xiềng “bất nhân”, khiến cho các thế lực tước đoạt nhân quyền phải cúi đầu mà nhường mình lên đài bình đẳng (Dẫn theo: Đoàn Ánh Dương 2019: 157). Theo ông, nữ quyền chính là nhân quyền, đó là quyền tự nhiên của bất kỳ ai dù thuộc giới tính nào, song địa vị tòng thuộc, ý lại của phụ nữ vào cha mẹ, chồng con đã bào mòn cái quyền ấy đi (Dẫn theo: Đoàn Ánh Dương 2019: 166). Do đó, muốn khôi phục quyền con người, trước hết, phụ nữ phải khẳng định mình với tư cách con người độc lập.

Trong quan niệm của Phan Bội Châu, tư cách “độc lập” được thể hiện trên ba phương diện: *thứ nhất*, phụ nữ là một hạng người không thể thiếu trong loài người; *thứ hai*, phụ nữ là một suất dân

không thiếu được ở trong dân nước; *thứ ba*, phụ nữ là một bộ phận rất lớn trong xã hội (Dẫn theo: Đoàn Ánh Dương 2019: 123). Ông luận giải khái niệm “độc lập” một cách giản dị, dễ hiểu: “chữ độc lập là bảo người ta không nên ý lại mà thôi” (Dẫn theo: Đoàn Ánh Dương 2019: 129), để bất cứ người phụ nữ nào cũng có thể ứng dụng trong đời sống thực tiễn của mình. Ở đó, mỗi người, dù nam hay nữ, đều có quyền có sự nghiệp riêng của chính mình: “Cha làm sự nghiệp cha, con làm sự nghiệp con, chồng làm sự nghiệp chồng, vợ làm sự nghiệp vợ, ai nấy không phiền lụy ai, tuy ai nấy không ý lại ai, mà lại thiết là ai cũng giùm giúp cho nhau. Bởi vì, ta hết bổn phận ta, ta xong nghĩa vụ ta, tức là giùm giúp sự nghiệp cho người” (Dẫn theo: Đoàn Ánh Dương 2019: 130). Trong mối quan hệ giữa độc lập và phục tùng, Phan Bội Châu khẳng định, độc lập không chống lại phục tùng, bởi nếu một ai từ bỏ hai chữ độc lập mà chỉ biết sự phục tùng tức là ý lại. Nếu như con chỉ biết nương dựa vào cha, vợ chỉ biết phụ thuộc vào chồng thì đó là dây trói và xiềng khóa của hạnh phúc gia đình (Dẫn theo: Đoàn Ánh Dương 2019: 130).

Phan Bội Châu nhấn mạnh, giải phóng phụ nữ khỏi những ràng buộc của hủ tục để họ trở thành con người tự do, cần được thực hiện trên cơ sở kết hợp hài hòa giữa tinh thần Đông và Tây. Ông cho rằng, các hoạt động canh tân phải phù hợp với lịch sử và tập quán của từng quốc gia, “sửa sang cho tiện mới là hay” (Dẫn theo: Đoàn Ánh Dương 2019: 131). Theo ông, giải phóng gia đình là quan trọng nhất, đồng thời là

bước khởi đầu, là tiền đề cho công cuộc giải phóng phụ nữ, bao gồm: giải phóng về quyền kết hôn; giải phóng về quyền chức nghiệp: chức nghiệp hợp với chí nguyện của con, cha mẹ không nên có quyền cưỡng ép; giải phóng về quyền gia sản, nghĩa là con trai và con gái đều bình đẳng với nhau trong việc hưởng quyền thừa kế gia sản của cha mẹ (Dẫn theo: Đoàn Ánh Dương 2019: 170).

Đặt trong bối cảnh đất nước còn chịu sự thống trị của ngoại bang, Phan Bội Châu cho rằng, sự giải phóng phụ nữ khỏi ràng buộc luân lý của chế độ phong kiến là sự giải phóng không triệt để; vì vậy, mục tiêu cuối cùng của giải phóng phụ nữ phải gắn liền với sự nghiệp giải phóng dân tộc. Ông khẳng định, để đạt được điều đó, mỗi cá nhân phụ nữ cần thực hiện nghĩa vụ làm người, hết lòng gánh vác việc xã hội cùng với nam giới nhằm thực hiện mục tiêu giải phóng dân tộc (Xem: Đoàn Ánh Dương 2019: 153-154). Để khích lệ tinh thần đấu tranh của phụ nữ, Phan Bội Châu nêu gương các nữ anh hùng trên thế giới như Roland, Jeanne d'Arc ở Pháp, hay Trịnh Dục Tú, Hà Hương Ngung ở Trung Quốc, nhằm nhấn mạnh rằng phụ nữ Việt Nam cũng hoàn toàn có thể trở thành lực lượng tiên phong. Ông kêu gọi chị em phụ nữ hãy dùng sức mạnh thể chất và trí tuệ để chống chọi với “ma hắc ám”, đua đuổi với bạn văn minh, chủ động mở mang tri thức (Xem: Đoàn Ánh Dương 2019: 156), từ đó, cùng nhau xây dựng nghiệp đoàn, lập tiệm buôn, hoặc chung nhau làm một điểm thợ (Xem: Đoàn Ánh Dương 2019: 168).

Như vậy, có thể thấy, Phan Bội Châu sử dụng khái niệm *nhân quyền*

của tư tưởng phương Tây để khẳng định ““nhân quyền” nghĩa là quyền của người mà cũng là quyền làm người. Rằng quyền của người, tức là quyền đó, hễ người thời đáng được. Rằng quyền làm người tức là đã một con người, tất có quyền được làm con người mà không phải là làm trâu ngựa” (Dẫn theo: Đoàn Ánh Dương 2019: 151). Quan điểm này cho thấy ông không chỉ nhìn nhận giải phóng phụ nữ như một vấn đề xã hội đơn lẻ, mà còn đặt nó trong mối liên hệ biện chứng với công cuộc cải cách văn hóa và kiến tạo một xã hội mới. Tuy nhiên, Phan Bội Châu chưa vượt khỏi hệ hình giới truyền thống, mà vẫn nhấn mạnh các giá trị như “nữ công, nữ dung, nữ ngôn, nữ hạnh” và coi phụ nữ là người giúp chồng, dạy con hơn là một cá nhân độc lập về chính trị. Mặt khác, do đặt vấn đề phụ nữ trong khuôn khổ của cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, ông chưa khai thác triệt để quyền tự quyết, tự chủ của phụ nữ trong đời sống cá nhân, hôn nhân, hay sinh sản vốn là những vấn đề trung tâm trong các lý thuyết nữ quyền thế kỷ XX. Mặc dù vậy, tư tưởng của ông đã đánh dấu bước chuyển căn bản từ tư duy bảo thủ sang tư duy tiến bộ về vấn đề phụ nữ. Trong bối cảnh lịch sử Việt Nam nửa đầu thế kỷ XX, Phan Bội Châu đã góp phần đặt nền móng cho tư tưởng giải phóng phụ nữ, tạo ra tiền đề nhận thức cho các thế hệ tư tưởng cách mạng tiếp nối, trong đó nổi bật là sự kế thừa và phát triển của Nguyễn Ái Quốc theo lập trường chủ nghĩa Mác - Lênin.

3. Vấn đề giải phóng phụ nữ ở Việt Nam nửa đầu thế kỷ XX trong tư tưởng của Nguyễn Ái Quốc

3.1. Mục tiêu giải phóng phụ nữ trong tư tưởng của Nguyễn Ái Quốc

Điểm tương đồng cơ bản giữa Phan Bội Châu và Nguyễn Ái Quốc là nhận thức sâu sắc về thực trạng bị áp bức nặng nề về cả thể chất, nhân phẩm và vị thế của người phụ nữ trong xã hội thuộc địa nửa phong kiến. Phan Bội Châu kịch liệt phê phán khuôn khổ lễ giáo Nho giáo hà khắc đã trói buộc người phụ nữ, hạn chế quyền tự do cá nhân của họ, ngăn cản họ tham gia vào các hoạt động xã hội. Nguyễn Ái Quốc, một lần nữa, khẳng định sự chà đạp nghiêm trọng về nhân quyền của chế độ thực dân phong kiến đối với người phụ nữ. Người nhấn mạnh: “Ngoài xã hội thì phụ nữ bị xem khinh như nô lệ. Ở gia đình thì họ bị kìm hãm trong xiềng xích “tam tòng”” (Hồ Chí Minh 2011, tập 13: 523). Tuy nhiên, Phan Bội Châu chủ yếu dựa trên lập luận phê phán đạo lý Nho giáo để khẳng định quyền con người của phụ nữ, đề cao nữ giới như những tấm gương trung liệt, từ đó, kêu gọi họ cùng với nam giới tham gia vào sự nghiệp giải phóng dân tộc. Song, ông chưa phân tích một cách triệt để nguyên nhân cốt lõi dẫn đến địa vị hèn yếu của phụ nữ từ góc nhìn thể chế và kết cấu giai cấp trong xã hội. Trong khi đó, Nguyễn Ái Quốc tiếp cận vấn đề giải phóng phụ nữ từ lập trường giai cấp vô sản của chủ nghĩa Mác - Lênin, cho rằng tình trạng áp bức phụ nữ không phải là hiện tượng cá biệt mà là hệ quả tất yếu của một xã hội bất công. Trong bài viết *Phụ nữ An Nam và sự đồ hộ của Pháp* (1922), Nguyễn Ái Quốc khẳng định, “chế độ thực dân, tự bản thân nó, đã là một hành động bạo lực của kẻ mạnh

đối với kẻ yếu rồi. Bạo lực đó, đem ra đối xử với trẻ em và phụ nữ, lại càng bỉ ổi hơn nữa” (Hồ Chí Minh 2011, tập 1: 114). Người chỉ ra “một sự mỉa mai đau đớn khi thấy rằng văn minh dưới nhiều hình thức khác nhau, như tự do, công lý, v.v. - được tượng trưng bằng hình ảnh một người đàn bà dịu hiền và được một hạng người nổi tiếng là hào hoa phong nhã ra sức điểm tô - lại đối xử một cách hết sức bỉ ổi với người đàn bà bằng xương bằng thịt và xúc phạm một cách vô liêm sỉ tới phong hóa, trinh tiết và đời sống của họ” (Hồ Chí Minh 2011, tập 1: 114). Hình ảnh những người phụ nữ “đầu đội thúng than nặng, mà vẫn phải bước vì đói” (Hồ Chí Minh 2011, tập 2: 145) được Người ghi lại một cách chân thực đã trở thành bằng chứng đanh thép tố cáo bản chất thực sự của cái gọi là “sứ mạng khai hóa” mà bọn tư bản đã giành lấy độc quyền thi hành, đồng thời phản ánh sự khốn cùng của phụ nữ ở thuộc địa (Xem: Hồ Chí Minh 2011, tập 1: 114). Nguyễn Ái Quốc khẳng định, “thói dâm bạo ở thuộc địa là một hiện tượng phổ biến và tàn ác không thể nào tưởng tượng được” (Hồ Chí Minh 2011, tập 1: 114). Từ đó, trong *Bản án chế độ thực dân Pháp* (1925), Người kết luận chế độ thực dân là chế độ ăn cướp, hiếp dâm và giết người (Xem Hồ Chí Minh 2011, tập 2: 115). Ở đó, người phụ nữ không chỉ bị coi là súc vật, bị đánh đập, hành hạ và bóc lột một cách thâm hiểm, mà còn phải chịu sự bất công về mọi mặt so với nam giới: cùng làm công việc như nhau nhưng tiền lương của phụ nữ bao giờ cũng thấp hơn nam giới; vẫn gánh vác công việc nặng, thậm

chí bị cưỡng ép phải mua rượu và thuốc phiện, nếu không có tiền mua thì phải đi tù (Xem: Hồ Chí Minh 2011, tập 2: 120).

Nguyễn Ái Quốc khẳng định, “dưới chế độ thực dân và phong kiến, nhân dân ta bị áp bức, bóc lột, thì phụ nữ ta bị áp bức, bóc lột ngày càng nặng nề hơn” (Hồ Chí Minh 2011, tập 14: 310), do đó, muốn giải phóng phụ nữ, trước hết, phải giải phóng dân tộc. Thân phận của người phụ nữ ở thuộc địa không tách rời khỏi số phận của dân tộc bị phụ thuộc, vì vậy, sự nghiệp giải phóng phụ nữ gắn liền với công cuộc giải phóng dân tộc, dân tộc độc lập thì phụ nữ mới được giải phóng. Người nhấn mạnh: “Đàn bà con gái cũng nằm trong nhân dân. Nếu cả dân tộc được tự do, đương nhiên họ cũng được tự do. Ngược lại, nếu dân tộc còn trong cảnh nô lệ thì họ và con cái họ cũng sẽ sống trong cảnh nô lệ” (Hồ Chí Minh, tập 2: 506).

Trong tư tưởng của Nguyễn Ái Quốc, giải phóng phụ nữ và giải phóng dân tộc có mối quan hệ biện chứng với nhau, trong đó, giải phóng dân tộc nhằm mang lại quyền lợi cho toàn thể dân tộc được xem là cái chung, là vấn đề trên hết và trước hết. Tại Hội nghị Trung ương 8 (tháng 5/1941), Người khẳng định: “Trong lúc này, quyền lợi của bộ phận, của giai cấp phải đặt dưới sự sinh tử, tồn vong của quốc gia, dân tộc. Trong lúc này, nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, không đòi lại được độc lập, tự do cho toàn thể dân tộc, thì chẳng những toàn thể quốc gia dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu, mà quyền lợi của bộ phận, giai cấp đến vạn năm

cũng không đòi lại được” (Đảng Cộng sản Việt Nam 2000, tập 7: 113). Vì vậy, giải phóng dân tộc chính là điều kiện đầu tiên, quan trọng nhất để giải phóng phụ nữ. Điều này được chứng minh khi Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, Việt Nam thoát khỏi xiềng xích của chế độ thực dân, phong kiến, phụ nữ Việt Nam không chỉ được giải phóng cùng dân tộc, mà địa vị của họ còn được đặt ngang hàng với nam giới. Lần đầu tiên trong lịch sử, phụ nữ Việt Nam không chỉ được thừa nhận quyền con người, mà còn được hưởng đầy đủ quyền công dân, quyền làm chủ đất nước, trong đó có quyền ứng cử và bầu cử.

Như vậy, có thể thấy, cả Phan Bội Châu và Nguyễn Ái Quốc đều thể hiện tinh thần tiên phong trong nhận diện nổi thống khổ và vai trò của phụ nữ trong xã hội Việt Nam nửa đầu thế kỷ XX. Tuy nhiên, trong khi Phan Bội Châu tiếp cận vấn đề giải phóng phụ nữ từ lập trường dân chủ tư sản, coi đó là một phần của công cuộc chấn hưng quốc gia, thì Nguyễn Ái Quốc phát triển một hệ thống tư tưởng mang tính toàn diện, vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, gắn chặt vấn đề giải phóng phụ nữ với lý luận đấu tranh giai cấp và cách mạng xã hội chủ nghĩa. Vì vậy, Nguyễn Ái Quốc không chỉ phản ánh một cách sâu sắc hiện thực bị áp bức của phụ nữ Việt Nam, mà còn chỉ ra con đường giải phóng họ, đưa họ trở thành chủ thể tích cực của sự nghiệp giải phóng dân tộc và chính mình.

Với mục tiêu cách mạng là giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng xã hội, giải phóng con người, thực hiện

độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, Nguyễn Ái Quốc nhận thức sâu sắc rằng, phụ nữ chưa được giải phóng thì nhân loại chưa được giải phóng, bởi lẽ, phụ nữ là một nửa của xã hội, “nếu không giải phóng phụ nữ thì không giải phóng một nửa loài người. Nếu không giải phóng phụ nữ là xây dựng chủ nghĩa xã hội một nửa” (Hồ Chí Minh 2011, tập 12: 300). Theo đó, giải phóng phụ nữ trước hết phải xóa bỏ ách áp bức bóc lột, nghèo nàn và lạc hậu, nhằm đem lại hạnh phúc, tự do, dân chủ cho con người. Nguyễn Ái Quốc cũng khẳng định sức mạnh to lớn của phụ nữ trong sự nghiệp đấu tranh giữ gìn và bảo vệ đất nước (Xem: Hồ Chí Minh 2011, tập 2: 520). Người nhấn mạnh, “phụ nữ ta là một lực lượng rất lớn, đã anh dũng trong kháng chiến cũng như trong cách mạng, không có phụ nữ, riêng nam giới không thể làm nổi công cuộc cách mạng” (Hồ Chí Minh 2011, tập 13: 75), và “An Nam cách mệnh cũng phải có nữ giới tham gia mới thành công” (Hồ Chí Minh 2011, tập 2: 315). Vì vậy, Người cho rằng, cần phải khéo vận động, tổ chức phụ nữ thành lực lượng cách mạng hùng hậu, tham gia đấu tranh giải phóng dân tộc.

3.2. Phương thức giải phóng phụ nữ trong tư tưởng của Nguyễn Ái Quốc

Nguyễn Ái Quốc cho rằng thân phận hèn yếu của phụ nữ là hệ quả tất yếu của một hệ thống tư tưởng và cấu trúc quyền lực mang tính áp bức do thiết chế thực dân phong kiến tạo ra. Người không xem vấn đề giới như một hiện tượng biệt lập, mà đặt nó trong mối quan hệ với các hình thức áp bức khác như giai

cấp, dân tộc và thuộc địa. Từ nhận thức đó, Nguyễn Ái Quốc khẳng định giải phóng phụ nữ là một bộ phận hữu cơ, không thể tách rời của cách mạng vô sản. Quan điểm này đồng thời đưa vấn đề giải phóng phụ nữ vào vị trí trung tâm trong sự nghiệp giải phóng con người theo tinh thần chủ nghĩa Mác, bởi lẽ, không thể xây dựng một xã hội xã hội chủ nghĩa đích thực nếu phụ nữ - một nửa nhân loại - vẫn còn bị áp bức. Trên cơ sở đó, Nguyễn Ái Quốc xác định phương thức giải phóng phụ nữ phải được triển khai trên một số phương diện cơ bản sau:

Một là, sự nghiệp giải phóng phụ nữ phải được đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Trên hành trình tìm đường cứu nước, Nguyễn Ái Quốc nhận thấy, chỉ có con đường cách mạng vô sản tiến lên chủ nghĩa xã hội, với tầm gương chiến thắng của Cách mạng tháng Mười Nga, mới có thể mang lại quyền tự do chân chính, quyền bình đẳng thực sự cho toàn thể nhân dân; và, cũng nhờ cuộc cách mạng này, sự giải phóng phụ nữ mới có giá trị và những ý nghĩa đầy đủ, trọn vẹn (Xem: Hồ Chí Minh 2011, tập 2: 7). Người cho rằng làm cách mạng không chỉ để giành lại độc lập, mà còn phải đem lại quyền tự do, bình đẳng, hạnh phúc cho nhân dân, đồng thời khẳng định “vì quyền lợi của đàn bà con gái An Nam mà chúng ta làm cách mạng” (Hồ Chí Minh 2011, tập 2: 506). Theo Nguyễn Ái Quốc, sự nghiệp cách mạng đó muốn giành được thắng lợi thì tất yếu phải có sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, đội tiên phong của giai

cấp vô sản, đứng trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin để tổ chức tập hợp toàn dân giải phóng dân tộc và giai cấp. Trong các văn kiện đầu tiên của Đảng, như *Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt* (1930) do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo, vấn đề phụ nữ đã được đề cập một cách rõ ràng. Đảng khẳng định cần thu hút phụ nữ vào tổ chức cách mạng, đấu tranh cho quyền lợi thiết thân như giảm giờ làm, tăng lương, chống lại hủ tục và thực hiện “nam nữ bình quyền” trong mọi hoạt động chính trị - xã hội (Xem: Hồ Chí Minh 2011, tập 3: 1). Thực tiễn cách mạng những năm 1930 - 1945 là minh chứng sinh động cho luận điểm của Nguyễn Ái Quốc, chỉ khi có sự lãnh đạo của Đảng, phong trào phụ nữ mới thoát khỏi tính chất rời rạc, tự phát, trở thành lực lượng lớn mạnh, góp phần to lớn vào thắng lợi vĩ đại của Cách mạng tháng Tám năm 1945.

Hai là, sự nghiệp giải phóng phụ nữ gắn liền với quá trình “tự giải phóng” của chính phụ nữ.

Nguyễn Ái Quốc đã chỉ rõ trong thiết chế phương Đông, người phụ nữ bị trói buộc bởi sự khắc nghiệt của lễ giáo phong kiến đến mức “trong xã hội và trong gia đình, người phụ nữ bị hạ thấp tột bậc và không được hưởng chút quyền gì” (Hồ Chí Minh 2011, tập 2: 512). Dưới ách thống trị của thực dân, phụ nữ Việt Nam tiếp tục bị áp bức, bị tước đoạt quyền tham gia xã hội, vì vậy, dù có tài có sức nhưng ít người tham gia các ngành hoạt động (Xem: Hồ Chí Minh 2011, tập 9: 406). Từ thực trạng đó, Người khẳng định, muốn giải phóng phụ nữ thì “đồng thời phải tiêu diệt tư

tưởng phong kiến, tư tưởng tư sản trong người đàn ông” (Hồ Chí Minh 2011, tập 12: 301). Quan trọng hơn, Nguyễn Ái Quốc nhấn mạnh phụ nữ trước hết phải tự giải phóng mình, bắt đầu từ phạm vi gia đình, vượt qua những ràng buộc của tư tưởng Nho giáo gia trưởng cũng như tâm lý tự ti, thụ động. Để khích lệ tinh thần ấy, Nguyễn Ái Quốc nêu ra những tấm gương nữ anh hùng trong lịch sử dân tộc và kêu gọi phụ nữ Việt Nam noi theo phong trào nữ quyền đang phát triển mạnh mẽ: “Buổi phong kiến mà đàn bà, con gái còn biết cách mệnh. Huống chi bây giờ hai chữ “nữ quyền” đã rầm rầm khắp thế giới, chị em ta lại gặp cảnh nước suy vi, nữ lòng nào ngồi yên được” (Hồ Chí Minh 2011, tập 2: 520-521). Theo Người, để đòi lại quyền làm người, quyền bình đẳng giới, phụ nữ phải tự ý thức được quyền lợi và trách nhiệm của bản thân, phải có “ý chí tự cường tự lập”, “tôn trọng quyền của mình”, và chủ động đấu tranh bảo vệ những quyền lợi chính đáng ấy (xem: Hồ Chí Minh 2011, tập 15: 295). Trên cơ sở đó, Nguyễn Ái Quốc khẳng định, con đường tất yếu để hiện thực hóa mục tiêu giải phóng phụ nữ là sự tham gia tích cực của họ vào cách mạng giải phóng dân tộc do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, bởi “đó là cuộc cách mạng đưa đến quyền bình đẳng thật sự cho phụ nữ” (Hồ Chí Minh 2011, tập 15: 617) với phương châm “trước giúp nước, sau giúp mình” (Hồ Chí Minh 2011, tập 3: 239).

Như vậy, nếu như Phan Bội Châu mới dừng lại ở việc kêu gọi cải cách vị thế phụ nữ trong khuôn khổ đạo lý

truyền thống và giáo dục khai sáng, thì Nguyễn Ái Quốc đã tiến xa hơn khi đề xuất một lộ trình giải phóng toàn diện, gắn bó chặt chẽ với con đường cách mạng vô sản và cách mạng xã hội chủ nghĩa. Với cách tiếp cận xem phụ nữ là chủ thể tự giải phóng, Người không chỉ phản ánh hiện thực bị áp bức của phụ nữ Việt Nam thời thuộc địa, mà còn mở ra một đường lối cách mạng rõ ràng, trong đó, phụ nữ trở thành lực lượng tích cực, tự do và làm chủ vận mệnh lịch sử của chính mình.

4. Kết luận

Phan Bội Châu và Nguyễn Ái Quốc đều có những đóng góp quan trọng trong quá trình hình thành và phát triển tư tưởng giải phóng phụ nữ ở Việt Nam nửa đầu thế kỷ XX. Nếu như Phan Bội Châu giữ vai trò là “người đánh thức” ý thức dân tộc trong phụ nữ, thì Nguyễn Ái Quốc là người mở rộng và nâng tầm tư tưởng đó khi đặt vấn đề giải phóng phụ nữ trong toàn bộ tiến trình cách mạng giải phóng dân tộc và tiến bộ xã hội, với mục tiêu cuối cùng là giải phóng con người nói chung và giải phóng phụ nữ nói riêng. Tư tưởng của Nguyễn Ái Quốc về phụ nữ không chỉ vượt qua giới hạn của lịch sử đương thời, mà còn trở thành nền tảng lý luận cho đường lối, chính sách về công tác phụ nữ của Đảng Cộng sản Việt Nam trong suốt quá trình cách mạng. Dưới ánh sáng lý thuyết nữ quyền hiện đại, có thể khẳng định Nguyễn Ái Quốc là nhà tư tưởng cách mạng Việt Nam đầu tiên đặt vấn đề nữ quyền trong một cấu trúc lý luận toàn diện, đa chiều, gắn kết chặt chẽ

với mục tiêu phát triển dân tộc và tiến bộ nhân loại.

Tài liệu trích dẫn

1. Phan Bội Châu. 2000. *Toàn tập*. Tập 3. Huế: Nxb. Thuận Hóa.
2. Phan Bội Châu. 2000. *Toàn tập*. Tập 7. Huế: Nxb. Thuận Hóa.
3. Trần Chung. 1929. số 17, Ngày thứ Sáu 25 Janvier 1929.
4. Đoàn Ánh Dương. 2019. *Phan Bội Châu: Vấn đề phụ nữ ở nước ta* (Tuyển chọn). Hà Nội: Nxb. Phụ nữ.
5. Đảng Cộng sản Việt Nam. 2000. *Văn kiện Đảng toàn tập*. Tập 7. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia.
6. Hồ Chí Minh. 2011. *Toàn tập*. Tập 1. Nxb. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia.
7. Hồ Chí Minh. 2011. *Toàn tập*. Tập 2. Nxb. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia.
8. Hồ Chí Minh. 2011. *Toàn tập*. Tập 3. Nxb. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia.
9. Hồ Chí Minh. 2011. *Toàn tập*. Tập 9. Nxb. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia.
10. Hồ Chí Minh. 2011. *Toàn tập*. Tập 13. Nxb. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia.
11. Hồ Chí Minh. 2011. *Toàn tập*. Tập 14. Nxb. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia.
12. Hồ Chí Minh. 2011. *Toàn tập*. Tập 15. Nxb. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia.
13. Trần Trúc Ly. 2024. *Từ thân phận tòng thuộc đến nhân cách độc lập* (Quan điểm và hoạt động giải phóng phụ nữ trong phong trào Tân Văn hóa ở Trung Quốc). Hà Nội: Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.